HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 09 năm 2016*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.586.492.634**	**2.794.644.068**
110	***I. Tiền***	***4***	***3.450.123***	***572.980***
111	1. Tiền		3.450.123	572.980
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.572.867.521***	***2.792.656.170***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	93.873.743	22.670.764
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.527.090	567.410
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24	610.949.955	1.510.757.588
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.857.516.733	1.261.030.197
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.369.789)
140	***III. Hàng tồn kho***		***9.376.019***	***1.028.896***
141	1. Hàng tồn kho	8	9.376.019	1.028.896
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***798.971***	***386.022***
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		513.140	100.191
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	285.831
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**13.475.734.555**	**10.604.939.441**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***3.875.737.796***	***2.703.320.877***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	24	3.863.566.963	2.703.320.877
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	12.170.833	-
220	***II. Tài sản cố định***		***42.280.686***	***45.939.164***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.354.709	9.475.958
222	*Nguyên giá*		*27.473.726*	*25.036.836*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(17.119.017)*	*(15.560.878)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	31.925.977	36.463.206
228	*Nguyên giá*		*48.197.185*	*48.197.185*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(16.271.208)*	*(11.733.979)*
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***		***9.557.036.909***	***7.855.101.013***
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	9.285.849.815	7.581.925.022
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	273.175.991
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(14.817.542)	-
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***679.164***	***578.387***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	679.164	578.387
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**16.062.227.189**	**13.399.583.509**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 09 năm 2016*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.926.111.668**	**5.130.207.338**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.009.624.260***	***1.454.911.883***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	33.753.294	62.617.582
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		370.847	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		18.619	1.648.286
314	4. Phải trả người lao động		2.249.550	1.107.407
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	403.296.726	305.212.779
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	385.974.182	677.680.829
320	7. Vay ngắn hạn	17	2.183.961.042	406.645.000
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.916.487.408***	***3.675.295.455***
338	1. Vay dài hạn	17	2.916.487.408	3.675.295.455
400	**D.VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**18**	**10.136.115.521**	**8.269.376.171**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***10.136.115.521***	***8.269.376.171***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.671.438.950	7.081.438.950
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.671.438.950*	*7.081.438.950*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	2.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.400.125.761	1.185.386.411
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*1.185.386.411*	*27.790.888*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*214.739.350*	*1.157.595.523*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**16.062.227.189**	**13.399.583.509**

Nguyễn Thị Hải Yến	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý III*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19.1**	**40.570.587**	**3.257.728**	**80.532.285**	**12.277.184**
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19.1**	**40.570.587**	**3.257.728**	**80.532.285**	**12.277.184**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**20**	**(38.426.219)**	**(3.321.107)**	**(74.439.080)**	**(10.549.426)**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.144.368**	**(63.379)**	**6.093.205**	**1.727.758**
21	**5. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19.2**	**345.997.908**	**434.218.267**	**664.833.140**	**1.365.358.052**
22 *23*	**6. Chi phí tài chính** *Trong đó: Chi phí lãi vay*	**21**	**(143.740.714)** *(141.556.786)*	**(57.351.563)** *(57.351.563)*	**(427.736.395)** *(407.718.217)*	**(170.440.337)** *(170.323.421)*
25	**7. Chi phí bán hàng**		**(2.350.797)**	**(96.619)**	**(4.503.252)**	**(1.476.276)**
26	**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(3.942.397)**	**(8.624.720)**	**(15.967.453)**	**(36.142.251)**
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**198.108.368**	**368.081.986**	**222.719.245**	**1.159.026.946**
31	**10. Thu nhập khác**	**22**	**467**	**1.605.368**	**824.623**	**3.268.121**
32	**11. Chi phí khác**	**22**	**(701.941)**	**(1.566.248)**	**(8.804.518)**	**(5.269.992)**
40	**12. Lợi nhuận khác**	**22**	**(701.474)**	**39.120**	**(7.979.895)**	**(2.001.871)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Quý III*		*Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
			Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**197.406.894**	**368.121.106**	**214.739.350**	**1.157.025.075**
51	**14. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**23**	**-**	**-**	**-**	**186.505**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**197.406.894**	**368.121.106**	**214.739.350**	**1.157.211.580**

Nguyễn Thị Hải Yến	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**214.739.350**	**1.157.025.075**
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	7.113.956	7.158.301
03	Các khoản dự phòng	12.2	12.447.753	(672.000)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		797.197	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(664.833.140)	(1.365.358.052)
06	Chi phí lãi vay		407.718.217	170.323.421
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(22.016.667)**	**(31.523.255)**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		197.477.008	(159.718.020)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(8.347.123)	85.484
11	Tăng các khoản phải trả		(21.770.415)	(84.600.071)
12	Tăng chi phí trả trước		(100.777)	(3.016.743)
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.439.540)	(265.016.994)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23	-	(1.157.773)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**125.802.486**	**(544.947.372)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(5.656.284)	(1.842.247)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	589.441
23	Tiền chi cho vay		(725.136.000)	(100.000.012)
24	Tiền thu hồi cho vay		268.295.457	19.652.607
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.741.410.031)	(987.259.965)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		382.644	839.824.729
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(2.203.524.214)**	**(229.035.447)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2016

Ngàn VND

Mã số	*KHOẢN MỤC*	*Thuyết minh*	*Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này*	
			Năm nay	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.652.000.000	1.797.972.760
33	Tiền thu từ đi vay		824.190.871	870.366.738
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(395.592.000)	(1.811.314.845)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu của Công ty mẹ		-	(83.091.160)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.080.598.871**	**773.933.493**
50	**Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ**		**2.877.143**	**(49.326)**
60	**Tiền đầu kỳ**	**4**	**572.980**	**1.449.756**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**3.450.123**	**1.400.430**

M.S.D.N: 5900712753 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Nguyễn Thị Hải Yến	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM so Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 70,45% vào ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

2.3 *Năm tài chính*

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý III năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau :

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Tiền gửi ngân hàng	3.245.989	353.026
Tiền mặt tại quỹ	204.134	219.954
TỔNG CỘNG	**3.450.123**	**572.980**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	61.213.749	19.285.351
Các khoản phải thu từ khách hàng khác	32.659.994	3.385.413
TỔNG CỘNG	**93.873.743**	**22.670.764**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10.527.090	567.410
TỔNG CỘNG	**10.527.090**	**567.410**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	1.856.003.710	1.259.743.045
Các khoản khác	1.513.023	1.287.152
TỔNG CỘNG	**1.857.516.733**	**1.261.030.197**

8. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Hàng hóa	9.084.960	945.200
Công cụ, dụng cụ	220.338	19.795
Nguyên vật liệu	70.721	63.901
TỔNG CỘNG	**9.376.019**	**1.028.896**

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	12.170.833	-
TỔNG CỘNG	**12.170.833**	**-**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	17.621.446	7.134.116	281.274	25.036.836
Mua sắm mới	5.656.284	-	-	-	5.656.284
Thanh lý, nhượng bán	-	(615.054)	(2.604.340)	-	(3.219.394)
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	5.656.284	17.006.392	4.529.776	281.274	27.473.726
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(12.436.478)	(2.847.449)	(276.951)	(15.560.878)
Tăng trong kỳ	(47.136)	(2.020.362)	(504.906)	(4.323)	(2.576.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	138.387	880.201	-	1.018.588
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	(47.136)	(14.318.453)	(2.472.154)	(281.274)	(17.119.017)
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	5.184.968	4.286.667	4.323	9.475.958
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	5.609.148	2.687.939	2.057.622	-	10.354.709

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	48.197.185
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	48.197.185
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(11.733.979)
Tăng trong kỳ	(4.537.229)
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	(16.271.208)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	36.463.206
Ngày 30 tháng 09 năm 2016	31.925.977

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 09 năm 2016*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá trị ghi sổ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị ghi sổ*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp	100,00	2.101.029.560	100,00	2.080.734.798
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Nông nghiệp	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	100,00	943.513.646	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Nông nghiệp	97,77	440.512.398	97,77	440.512.398
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Bất động sản và Nông nghiệp	99,53	394.313.155	99,53	394.313.155
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	99,00	615.584.549

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 09 năm 2016*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá trị ghi sổ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị ghi sổ*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	100,00	100.000.000
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Nông nghiệp	99,70	798.397.600	99,70	798.397.600
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Nông Nghiệp	69,50	695.695.000	69,50	695.695.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương *(i)*	Nông Nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	-
TỔNG CỘNG			**9.285.849.815**		**7.581.925.022**

(i) Ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công ty đã hoàn tất mua lại toàn bộ phần vốn góp với tổng giá phí là 1.650.000.000 ngàn VND, tương đương với 100% quyền sở hữu trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSĐD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh (tỷ lệ vốn góp 52,83%) và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh (tỷ lệ vốn góp 47,17%). Theo đó, CSĐD đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 09 năm 2016*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*	
		Tỷ lệ sở hữu	*Giá trị ghi sổ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị ghi sổ*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	47,80	273.175.991

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 1,34% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (Công ty liên kết) với tổng giá mua là 12.828.645 ngàn VND và mua lại từ cổ đông thiểu số 285.081 cổ phần, tăng tỷ lệ sở hữu từ 47,80% lên 49,14% và trích lập dự phòng từ Công ty là (14.817.542) ngàn VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Chi phí trả trước dài hạn	679.164	578.387
TỔNG CỘNG	**679.164**	**578.387**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	17.214.649	1.127.582
Phải trả tiền mua cổ phần	3.710.000	61.490.000
Các khoản khác	12.828.645	-
TỔNG CỘNG	**33.753.294**	**62.617.582**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 23.826.074 ngàn VND *(Thuyết minh số 24).*

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Chi phí lãi vay	367.904.650	305.212.779
Chi phí hoạt động	6.779.977	-
Chi phí khác	28.612.099	-
TỔNG CỘNG	**403.296.726**	**305.212.779**

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	246.121.560	672.939.275
Phải trả khác bên thứ ba	139.852.622	4.741.554
TỔNG CỘNG	**385.974.182**	**677.680.829**

17. VAY

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Vay ngắn hạn	**2.183.961.042**	**406.645.000**
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(Thuyết minh số 17.1)*	1.681.303.437	300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(Thuyết minh số 17.2)*	302.657.605	40.572.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	200.000.000	66.073.000
Vay dài hạn	**2.916.487.408**	**3.675.295.455**
Vay dài hạn bên liên quan	2.240.229.886	1.030.376.353
Vay dài hạn ngân hàng *(Thuyết minh số 17.2)*	676.257.522	944.919.102
Vay dài hạn trái phiếu *(Thuyết minh số 17.1)*	-	1.700.000.000
TỔNG CỘNG	**5.100.448.450**	**4.081.940.455**

17.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	716.460.522	723.036.497
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	**978.915.127**	**985.491.102**
Trong đó :		
Vay dài hạn	*676.257.522*	*944.919.102*
Vay dài hạn đến hạn trả	*302.657.605*	*40.572.000*

17.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 được trình bày như sau:

Ngàn VND

Mệnh giá	1.700.000.000
Chi phí phát hành	(18.696.562)
TỔNG CỘNG	**1.681.303.438**
Trong đó:	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*1.681.303.438*

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCaptital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu, mía đường tại Campuchia và Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 10,5% - 11,3% một năm kỳ này.

17.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp với Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Công ty mẹ, được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
9 tháng năm 2015				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành thêm Cổ phiếu	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành Cổ phiếu trong năm bằng nguồn thặng dư	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.157.211.580	1.157.211.580
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2015	**7.081.438.950**	**2.550.810**	**1.185.002.468**	**8.268.992.228**
9 tháng năm 2016				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền *(i)*	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	214.739.350	214.739.350
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2016	**7.671.438.950**	**1.064.550.810**	**1.400.125.761**	**10.136.115.521**

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ số 01/HĐMBCK/2015 và số 02/HĐMBCK/2015 được ký ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900712753 thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2016 với nội dung thay đổi vốn điều lệ từ 7.081.438.950 Ngàn VND lên 7.671.438.950 Ngàn VND.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	*Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh*			*Vốn cổ phần đã góp*
	Số cổ phần	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	540.458.340	5.404.583.400	70,45	5.404.583.400
Cổ đông khác	226.685.555	2.266.855.550	29,55	2.266.855.550
TỔNG CỘNG	**767.143.895**	**7.671.438.950**	**100,00**	**7.671.438.950**

18.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 09 năm 2016	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*
	Cổ phiếu	*Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
Cổ phiếu phổ thông	*767.143.895*	*708.143.895*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
Cổ phiếu phổ thông	*767.143.895*	*708.143.895*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Ngày 22 tháng 03 năm 2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 54/2015/GCNCP-VSD-1; Theo đó, Công ty đã hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu cho hai cổ đông là Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh với tổng số cổ phiếu là 59.000.000 cổ phiếu, tăng vốn từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND.

19. DOANH THU

19.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Ngàn VND

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu thuần bán hàng hóa, dịch vụ	40.570.587	3.257.728	80.532.285	12.277.184
TỔNG CỘNG	**40.570.587**	**3.257.728**	**80.532.285**	**12.277.184**

19.2 DOANH THU TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Cổ tức	223.200.000	372.000.000	304.875.000	1.182.106.596
Lãi cho vay	122.787.172	62.211.345	359.575.496	183.194.153
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.736	6.922	382.644	19.660
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	37.643
TỔNG CỘNG	**345.997.908**	**434.218.267**	**664.833.140**	**1.365.358.052**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Ngàn VND

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	38.426.219	3.321.107	74.439.080	10.549.426
TỔNG CỘNG	**38.426.219**	**3.321.107**	**74.439.080**	**10.549.426**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	141.556.786	57.351.563	407.718.217	170.323.421
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	14.817.542	-
Các khoản khác	2.183.928	-	5.200.636	116.916
TỔNG CỘNG	**143.740.714**	**57.351.563**	**427.736.395**	**170.440.337**

22. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Quý III		*Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này*	
	Năm nay	*Năm trước*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thu nhập khác	**467**	**1.605.368**	**824.623**	**3.268.121**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	467	589.441	614	589.441
Các khoản khác	-	1.015.927	824.009	2.678.680
Chi phí khác	**701.941**	**1.566.248**	**8.804.518**	**5.269.992**
Chi phí vi phạm hợp đồng	22.501	-	6.305.001	2.000.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	191.132	589.441	191.132	589.441
Các khoản khác	488.308	976.807	2.308.385	2.680.551
TỔNG CỘNG	**(701.474)**	**39.120**	**(7.979.895)**	**(2.001.871)**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ thuế hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành

Ngàn VND

	9 tháng năm 2016	*9 tháng năm 2015*
Lợi nhuận trước thuế	**214.739.350**	**1.157.025.075**
Tiền phạt	1.065.514	-
Thu nhập cổ tức	(304.875.000)	(1.182.106.597)
Các khoản phí trích trước không được khấu trừ	-	1.350
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ kỳ này	-	(889.600)
Các khoản khác	1.353.905	20.861.134
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	**(87.716.231)**	**(5.108.638)**
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**-**	**-**
Trích thừa thuế TNDN cho các kỳ trước	-	(186.505)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**-**	**-**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(285.831)	1.058.447
Trích thừa kỳ trước	-	(186.505)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(1.157.773)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	**(285.831)**	**(285.831)**

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho vay	741.621.941
		Mua cổ phần Bidiphar	12.828.645
		Chi phí lãi vay	189.689.001
		Thanh lý tài sản	400.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu	1.703.636
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	10.904.435
		Bán hàng hóa	100.000

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	49.541.039
		Bán hàng hóa	5.784.886
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	106.742.186
		Thu hộ	409.394.215
		Bán hàng hóa, dịch vụ	24.384.013
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	61.595.371
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	66.562.824
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	34.100.705
		Cổ tức	223.200.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.729.422
		Cổ tức	81.675.000
		Mua hàng hóa	630.550
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	396.670.000
		Lãi cho vay	17.255.991
		Bán hàng hóa, dịch vụ	5.321.725
		Thanh lý tài sản	891.300
		Doanh thu cho thuê	554.251
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000
		Lãi cho vay	5.707
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.810.736
		Thanh lý tài sản	476.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000
		Lãi cho vay	12.170.833

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	443.318
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	25.327.963
Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.632.651
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.187.784

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Số dư*
Phải thu khách hàng (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.367.232
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.154.801
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	100.000
TỔNG CỘNG			**61.213.749**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	40.077.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	130.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	120.872.953
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	242.000.002
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	33.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	45.000.000
TỔNG CỘNG			**610.949.955**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Quỹ khen thưởng	2.065.085
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay	299.150.783
		Cổ tức	19.507.500
		Khác	6.391.704
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi vay	342.127.222
		Khác	7.212.880
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi vay	232.339.998
		Khác	5.406.428
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi vay	354.063.575
		Khác	414.840.355
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay	43.253.266
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức	81.675.000

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số dư*
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)			
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Khác	333.500
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi vay	46.716.193
		Khác	914.514
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi vay	5.707
TỔNG CỘNG			**1.856.003.710**
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.442.015.709
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	520.449.591
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	535.351.401
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	451.064.043
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk	Công ty con	Cho vay	95.221.602
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	490.998.617
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000
TỔNG CỘNG			**3.839.566.963**
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	12.170.833
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua khoản đầu tư	12.828.645
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	10.629

24. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngàn VND* *Số dư*
Phải trả người bán (tiếp theo)			
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	7.402.805
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	4.389
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	50.550
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	453.503
		Mua vật tư	118.696
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.956.857
TỔNG CỘNG			**23.826.074**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	244.443.060
		Khác	1.457.388
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mượn tiền	150.381
Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Mượn tiền	70.731
TỔNG CỘNG			**246.121.560**
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	200.000.000
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	2.240.229.886

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Nguyễn Thị Hải Yến	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Xuân Thắng
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

HAGL Agrico

Số: 423 /CV- HAGL Agrico
(Về giải trình biến động kết quả kinh doanh trên BCTC riêng Quý III/2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 30 tháng 10 năm 2016

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**
- **Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**

Trước hết, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("**Công ty**") kính gửi đến Quý cơ quan lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng.

Bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HNG) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý III/2016 so với Quý III/2015 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế Quý III/2016: 197 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế Quý III/2015: 368 tỷ đồng.

Các biến động như sau:

1. Hoạt động kinh doanh:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong kỳ tăng 38 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 (Quý III/2015 là 3 tỷ đồng; Quý III/2016 là 41 tỷ đồng). Biến động chủ yếu do doanh thu bán cây giống và trái cây tăng.
- Tương ứng với sự biến động của doanh thu, giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 (Quý III/2015 là 3 tỷ đồng; Quý III/2016 là 38 tỷ đồng).

2. Hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính: Trong kỳ giảm 88 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 (Quý III/2015 là 434 tỷ đồng; Quý III/2016 là 346 tỷ đồng). Biến động chủ yếu do:
  + Cổ tức nhận được từ các Công ty con giảm 149 tỷ đồng (Quý III/2015 là 372 tỷ đồng; Quý III/2016 là 223 tỷ đồng).
  + Lãi cho vay các Công ty con tăng 61 tỷ đồng (Quý III/2015 là 62 tỷ đồng; Quý III/2016 là 123 tỷ đồng).
- Chi phí hoạt động tài chính: Trong kỳ tăng 87 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015 (Quý III/2015 là 57 tỷ đồng; Quý III/2016 là 144 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay tăng, trong kỳ Công ty có phát sinh thêm một số khoản vay.

Các lĩnh vực khác của Công ty diễn ra bình thường, không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý III/2016.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900712... CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Nguyễn Xuân Thắng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
Địa chỉ: Tầng 11, Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Gia Lai, Việt Nam
Tel: (059) 2 222 285 – Fax: (059) 2 222 218 – Email: hoanganhagrico@hagl.com.vn